

ID VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2-TD5+TD3	7:25	0+11+9+0	0+0+0		1+13+8	0+0+0	TD2 -TNLD
2		TD5+PPD+BK10	9:25	8+5+2	0+0+0		7+7+8	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 người TD5 đi về trong ngày (điều tra TNLD)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/07/2019	TO: TD5 - PPD - BK10	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Luy	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TỰ	TD5	45-46	2	12		68	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD5	42	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD5	44	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	HÀ THANH TÙNG	TD5	43	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TUẤN	PPD	45	1	5		60	NHƠN TRẠI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TUẤN	PPD	44	1	7		68	NHƠN TRẠI	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH SƠN	PPD	43	1	10		70	NHƠN TRẠI	Vietnamese
11	VU VĂN THEM	PPD	46	1	8		70	NHƠN TRẠI	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOANG	PPD	47	1	5		68	NHƠN TRẠI	Vietnamese
13	LUƠNG ANH VŨ	BK10	47	1	5	110	66	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	BK10	48	1	5		72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	6	37	503	0	8		
2	PPD	5	5	35	336	0	6		
3	BK10	2	2	10	138	110	8		
TOTAL		14	13	82	977	110	22		
WEIGHT KG				82	977	110			

GRAND TOAL: 1.169 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/07/2019	TO: TD2 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	TD5	31	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH VĂN SỰ	TD5	32	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	HA VĂN DUNG	TD5	34	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TIẾN DUNG	TD5					78	D-HANH	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIEN	TD5	37	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KHANH	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TUÂN ANH	TD5	33	1	5	35	75	KHOAN	Vietnamese
8	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	40	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	VI HUNG CUONG	TD5	35	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN KHOAN	TD5	36	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	AFANASHEV LIU	TD3	13	1	5		83	KHOAN	Russian
12	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	21	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN LY	TD3	14	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TUNG	TD3	24-25	2	15		65	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3	30	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM HUNG DUONG	TD3	19	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT DUNG	TD3	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN HỮU THỌ	TD3	16	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	17	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN THĂNG LỢI	TD3				30	62	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ LONG PHI	TD3	18	1	5		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	40	1		
2	TD5	10	8	41	745	30	7		
3	TD3	11	11	54	808	35	14		
TOTAL		21	19	95	1.553	105	22		
WEIGHT KG				95	1.553	105			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

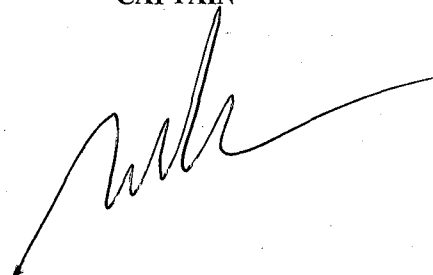
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+TD2+TD3	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYEN 1 TD2 TD3
2		AMD+TTC2+IS2	7:25	11+6+5	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
3		TTC3+P8+P6	7:25	5+16+1	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
4		TD5-RP3+PPD	7:25	12+1+6	0+0+0		14+1+7	0+0+0	CHUYEN 1 RP3 PPD
5		PPD+P4	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
6		P9+VSP01+CTK3	9:25	6+12+4	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
7		AMD+TGT5+P8	9:25	17+2+3	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
8		BK9+P8	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
9		BK4+BK3+P4	11:25	3+8+11	0+0+0		1+2+19	0+0+0	
10		VSP01+RP2+CTC1	11:25	19+1+2	0+0+0		10+7+4	0+0+0	
11		BK16+BK5+PPD	11:25	7+9+6	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	TO: P6 - TD2 - TD3	CREW: MTHẮNG - LHM - TDUNG -	ETA: 09:30
TRANG-1		CUÔNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO S.P	P6	44	1	5		75	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VINH QUANG	P6	41-42	2	9		70	YTE	Vietnamese
3	PIATOV S.V	P6	27	1	5		90	KH-THAC	Russian
4	VU VAN HOAN	P6	29	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	30	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG THỌ TÂM	P6	04	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	31	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	P6	37	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT THANH	P6	24	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ DUY ĐÔNG	P6	35	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TIEN DUNG	P6	33	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VAN TUNG	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HUY THAI	P6	25	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC AN	P6	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	34	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THAI ANH	P6	32	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ XUÂN THANH	P6	28	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG MINH	P6					74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG TRỌNG GIAO	P6	43	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN BUI TOÀN	P6	26	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	38-39	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN KHANH	P6	36	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

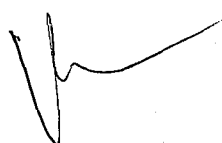
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	22	113	1.619	0	15		CHUYEN 1PAX TU TD2 SANG TD3
2	TD2	0	0	0	0	0	0		
3	TD3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	22	113	1.619	0	22		
WEIGHT KG				113	1.619	0			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: AMD - TTC2 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - N.Nam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIỆT BÌNH	AMD	25	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO HUU TRIEU	AMD	21-22	2	15		51	KH-THAC	Vietnamese
3	ANTON VAN DER MERWE	AMD	19	1	5		78	TLJOC	Saudi Arabia
4	DUONG CHI PHONG	AMD	16	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN TAN TRI	AMD	15	1	5	30	76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH TRƯƠNG PHI	AMD	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN TU	AMD	20	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUANG	AMD	14	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ANH MINH	AMD	23	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	17	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ PHONG VIÊN (PVDI)	AMD	18	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHUNG MINH HIEU	TTC2	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHƯƠNG	TTC2	38	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU VAN AN	TTC2	41	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
16	LY THANH CHUÔNG	TTC2	42-43	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU QUY TRUNG	TTC2	40	1	6		66	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG HIEU	JS2	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN LINH HOẠT	JS2	16	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN SƠN TÙNG	JS2	15	1	5	19	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	JS2	18	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	JS2					70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	12	68	721	30	5		
2	TTC2	6	7	36	385	30	5		
3	JS2	5	4	22	365	19	12		
TOTAL		22	23	126	1.471	79	22		
WEIGHT KG				126	1.471	79			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: TTC3 - P8 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - HUNG - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CÀRGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM PHƯƠNG NAM	TTC3	16	1	5	45	52	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAC	TTC3	13	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC3	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG TÂN	TTC3	14	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIEN	TTC3	15	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	LAZAREV	P8	34	1	10		80	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN KIM SƠN	P8	24	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC HÀ	P8	31	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MINH	P8	29-30	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HỒNG	P8	25-26	2	12		96	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHÚC HIEN	P8	19-20	2	13		79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN SI HAI	P8	32	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TÂM	P8	17-18	2	20		66	YTE	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG SA	P8	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIỆT PHƯƠNG	P8	35	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG HÀ TÀI	P8	33	1	8		96	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KIM CUÔNG	P8	23	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	21-22	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	P8	27	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC DOANH	P6	69	1	5	40	79	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	5	23	305	45	4		
2	P8	16	19	139	1.170	0	11		
3	P6	1	1	5	79	40	7		
TOTAL		22	25	167	1.554	85	22		
WEIGHT KG				167	1.554	85			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

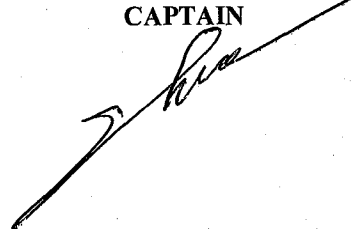
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2019	TO: TD5 - RP3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - Vũ	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	02	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUC	TD5	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE NHU NGUYEN	RP3	95-96	2	13		65	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	93	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	91	1	3		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CU	RP3	496	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	PHAM QUỐC KHANH	RP3					88	KHI	Vietnamese
8	PHAM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	92	1	5	35	80	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HAI	RP3	97	1	11		63	KHI	Vietnamese
10	VO ĐON LONG	RP3	94	1	7		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	RP3	98	1	5		78	KHI	Vietnamese
12	NGO NGOC HAN	RP3	99	1	7		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET KY	RP3	497	1	5		66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN CUONG	RP3	400	1	10		72	KHI	Vietnamese
15	TRAN ĐỨC QUANG	PPD	65	1	5		73	KHI	Vietnamese
16	OKOVANSEV G.P	PPD	68	1	17		116	KHI	Russian
17	NGUYEN VAN NAM	PPD	67	1	6		78	KHI	Vietnamese
18	TRINH VAN CUONG	PPD	66	1	6		70	KHI	Vietnamese
19	NGO SY THANH	PPD	69	1	6	80	80	KHI	Vietnamese
20	TRAN SON TOAN	PPD	64	1	9		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	19	135	0	1		CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG PPD
2	RP3	12	12	76	840	35	14	+1	
3	PPD	6	6	49	487	80	7		
TOTAL		20	20	144	1.462	115	22		
WEIGHT KG				144	1.462	115			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: PPD - P4	CREW: MTHẮNG - LHM - TDUNG -	ETA: 11:30
TRANG-2		CƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	81	1	5		68	KHI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	76	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	NGÔ XUÂN HƯƠNG	PPD	77	1	2		75	KHI	Vietnamese
4	BUI MINH TRI	PPD	88-89	2	12		80	T-TIN	Vietnamese
5	PHAN VĂN THẮNG	PPD	82	1	2	55	72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC SƠN	PPD	83-84	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRUNG LÂN	PPD	80	1	3		84	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	75	1	5		74	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	74	1	4		68	KHI	Vietnamese
10	ZAGUDAEV V.E	P4	87	1	5		75	KHI	Russian
11	NGUYỄN VĂN NĂM	P4	94	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	88	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC DUY	P4	91	1	4		60	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN HOÀN	P4	85	1	4		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	90	1	5		71	KHI	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI	P4	92-93	2	12		74	KHI	Vietnamese
17	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
18	DUYỆNG ĐÌNH HIẾN	P4	89	1	4	55	68	KHI	Vietnamese
19	WAN BAKAR WAN MOHD SHAZAN	P4	79	1	20		70	KHI	Malaysian
20	RAJAKUMAR DHARMARA	P4	82-84	3	23		89	KHI	Indian
21	BIACOLO VICTORIANO	P4	80-81	2	18		70	KHI	Philippines
22	NGUYỄN HỮU VĂN	P4	86	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

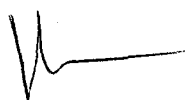
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	11	48	665	55	8		
2	P4	13	16	110	912	55	14		
TOTAL		22	27	158	1.577	110	22		
WEIGHT KG				158	1.577	110			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: P9 - VSP01 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Nnam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NGHIA	P9	21-22	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	P9	25	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN MANH HUNG	P9	31	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	P9	19-20	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN MINH NGOC	P9	29-30	2	17	67	80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN THE ANH	P9	23-24	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
7	POMAHOB C.B.	VSP01	27	1	5		115	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN VAN SON	VSP01	79	1	5		73	YTE	Vietnamese
9	TRUBOCHKIN	VSP01	22	1	15		78	KH-THAC	Russian
10	PHAM VAN DUC	VSP01	24-25	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN SON	VSP01	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN CHAU	VSP01	18	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BORVINSKY	VSP01	23	1	9		85	KH-THAC	Russian
15	LE THANH TUAN	VSP01	26	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THANH	VSP01	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	30-31	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	CTK3	68	1	5		70	SBAY	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	CTK3	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VO QUOC TUAN	CTK3	59	1	12	50	82	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN VAN CUONG	CTK3	37-38	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	6	10	78	419	67	0		
2	VSP01	12	14	90	892	20	1.4		
3	CTK3	4	5	39	282	50	8		
TOTAL		22	29	207	1.593	137	22		
WEIGHT KG				207	1.593	137			

GRAND TOAL: 1.937 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: AMD - TGTH5 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - HUNG - PTUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DAN	AMD	29-30	2	11	35	60	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG DINH VINH	AMD	39-40	2	15	5	70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUC CUONG	AMD	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LA NGOC MANH (PVDT)	AMD	31	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN SAU	AMD	38	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	32	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN THUY (PVDT)	AMD	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TUAN ANH	AMD	35-37	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY PHUONG	AMD	34	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO QUANG HUÂN	AMD	42-43	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO TRI HUNG	AMD	300	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MANH HUNG	AMD	32	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN LOI	AMD	45-46	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NARASIMHAN	AMD	28	1	13		69	KH-THAC	Indian
15	NGUYEN THE TRUYEN	AMD	47-48	2	15	19	76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGHIEM VU	AMD	94-96	3	18		82	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VU QUANG	AMD	49-50	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	59	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG VAN DONG	TGTH5	900	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG HOA	P8	36	1	5	40	81	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI QUAN	P8	37	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BA HOANG	P8					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	27	177	1.148	59	14		
2	TGTH5	2	2	9	128	0	2		
3	P8	3	2	12	207	40	6		
TOTAL		22	31	198	1.483	99	22		
WEIGHT KG				198	1.483	99			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

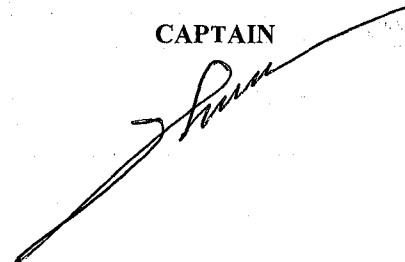
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2019	TO: BK9 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH HOÀN	BK9	34	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LƯƠNG NHƯ THIÊN	BK9	28	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LỢI	BK9	29-30	2	18	40	60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HOANG SƠN	BK9	26-27	2	13		74	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN HUY HÙNG	BK9	31-32	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	BK9	33	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	57	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO VĂN MINH	P8	60	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG HUY	P8	62	1	5	120	60	KH-THAC	Vietnamese
13	DUƠNG TRI NAM	P8					81	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SƠN	P8	58	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH KIẾT	P8	48-49	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HẠM CHUNG	P8	50	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	P8	51	1	8		80	TRƯỜNG V	Vietnamese
18	TRẦN THẾ ANH	P8	54	1	5		50	TRƯỜNG V	Vietnamese
19	THẠCH HOANG HẠN	P8	55	1	5		65	TRƯỜNG V	Vietnamese
20	BUI HUU TUAN	P8	52-53	2	15		70	TRƯỜNG V	Vietnamese
21	HÀ VĂN THANH	P8	56	1	6		70	TRƯỜNG V	Vietnamese
22	LÊ DUY DUC	P8	70	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	6	9	78	402	40	0		
2	P8	16	16	112	1.060	120	22		
TOTAL		22	25	190	1.462	160	22		
WEIGHT KG				190	1.462	160			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: BK4 - BK3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - DTùng	ETA: 13:10
nau-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TINH	BK4	11	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC ANH	BK4	33	1	5	40	70	CODIEN	Vietnamese
3	TRINH HOAI ĐỨC	BK4	10	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN QUYEN	BK3	32	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN SANG	BK3	33	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THOA	BK3	31	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VAN HANH	BK3	40-41	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
8	LE ANH TUAN	BK3	36-37	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
9	HOA QUANG THANG	BK3	38-39	2	9	30	63	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VIET ANH ĐỨC	BK3	34-35	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN NGOC QUYET	BK3	30	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	DOAN TRONG TUONG	P4	58	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN PHUONG	P4	61-62	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRAI	P4	59	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG MANH PHU	P4	60	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	P4					72	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN LE HUY	P4	55	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	VU NGOC TUAN	P4	56-57	2	10		85	KHI	Vietnamese
19	LE QUANG VINH	P4	53	1	7	20	72	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG NAM	P4	54	1	4		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN ĐÔNG	P4	51	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN HAU	P4	52	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	3	24	210	40	1+2		CHUYEN 2 PAX BK4 SANG BK3
2	BK3	8	12	102	555	30	2		
3	P4	11	12	76	761	20	19		
TOTAL		22	27	202	1.526	90	22		
WEIGHT KG				202	1.526	90			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

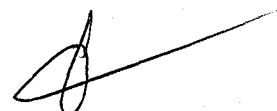
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2019	TO: VSP01 - RP2 - CTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Toan	ETA: 13:15
tim-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG PHUC LUONG	VSP01	79	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG DUC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THUY	VSP01	83	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TO HUNG DUNG	VSP01	80-81	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN BAC	VSP01	77	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN TRUONG	VSP01	82	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH HAI	VSP01	76	1	4		93	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH HA	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN THUY	VSP01	78	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	73	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
11	DO DINH VAN	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY DONG	VSP01	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH LOI	VSP01	74	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VU ANH MINH	VSP01	66-67	2	15		75	T-TIN	Vietnamese
15	LE DUC HUY	VSP01	70-71	2	10		65	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG THANG	VSP01	68	1	5		78	PSV	Vietnamese
17	PHAM PHU BINH	VSP01	69	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	PHAN TA DIEP	VSP01	75	1	6	70	70	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN HUY	RP2	73	1	6	15	60	ANTOAN	Vietnamese
20	HA VAN CANH	CTC1	50	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THE HUY	CTC1	38-39	2	13		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	18	92	1.302	70	11		
2	RP2	1	1	6	60	15	7		
3	CTC1	2	3	23	137	0	4		
TOTAL		21	22	121	1.499	85	22		
WEIGHT KG				121	1.499	85			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/07/2019	TO: BK16 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - Vũ	ETA: 13:20
XANH-3			

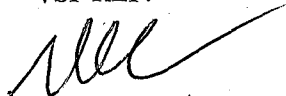
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	BK16	16	1	8	45	74	DVL	Vietnamese
2	PHẠM HAI LONG	BK16	12-13	2	14		78	DVL	Vietnamese
3	ĐINH VĂN ĐÔNG	BK16	14	1	12		59	DVL	Vietnamese
4	LƯU HỒNG THU	BK16	10-11	2	14		50	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐUNG	BK16	15	1	12		57	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CUÔNG	BK16	46,600	2	14		86	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH GIAU	BK16	09	1	4		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN NHUẬN	BK5	41-42	2	20	45	52	PSV	Vietnamese
9	HÀN VĂN GIAO	BK5	39	1	7		79	PVE	Vietnamese
10	CAO VĂN CUÔNG	BK5	46-47	2	13		65	PVE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SỸ	BK5	45	1	9		58	PVE	Vietnamese
12	VĂN TIẾN DUNG	BK5	48	1	10		64	PVE	Vietnamese
13	VO QUANG BUI	BK5	49	1	6		71	PVE	Vietnamese
14	PHẠM THANH TÙNG	BK5	40	1	11		81	PVE	Vietnamese
15	LE HỒNG TRIỆU	BK5	43	1	11		62	PVE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK5	44	1	10		58	PVE	Vietnamese
17	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	90	1	7	15	68	KHI	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	92	1	3		56	KHI	Vietnamese
19	VŨ VĂN SÔNG	PPD	89	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	88	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	91	1	5		54	KHI	Vietnamese
22	ĐIỀU KIỆU HẠNH	PPD					81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

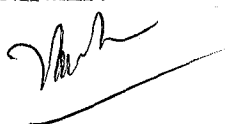
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	7	10	78	469	45	0		
2	BK5	9	11	97	590	45	0		
3	PPD	6	5	25	404	15	22		
TOTAL		22	26	200	1.463	105	22		
WEIGHT KG				200	1.463	105			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

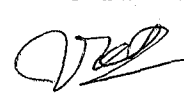
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/07/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3	7:25	22	0		22	0	tắt máy 4h

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đoàn đi 22 người về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/07/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 08:30
FLIGHT: 01	TO: CTK3 (+4h)	CREW: Vận - MMinh - Trường - Chuyên	ETA: 14:30
VIP			

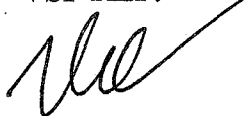
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN XUÂN DŨNG	CTK3					78	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VINH HÀ	CTK3					75	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ LÊ THUY	CTK3					58	D-HANH	Vietnamese
5	BUI THANH TUNG	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
6	MAI SĨ DIEN	CTK3					75	D-HANH	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH TUAN	CTK3					71	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TÂM	CTK3					78	D-HANH	Vietnamese
9	PHẠM TRỌNG THỰC	CTK3					71	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	CTK3					71	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG THANH	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRINH	CTK3					60	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG DŨNG	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
14	KIEU QUY CANH	CTK3					61	D-HANH	Vietnamese
15	MAI VAN CANH	CTK3					72	D-HANH	Vietnamese
16	VŨ THANH HUYEN	CTK3					63	D-HANH	Vietnamese
17	VŨ KHANH VINH	CTK3					60	D-HANH	Vietnamese
18	THUẬN THIÊN	CTK3					75	D-HANH	Vietnamese
19	TRẦN TÂN	CTK3	69-70	2	10		70	D-HANH	Vietnamese
20	TRẦN THỊ MINH HIỆU	CTK3					50	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	CTK3					62	D-HANH	Vietnamese
22	CAO TUNG SON	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	2	10	1.505	0	22		
	TOTAL	22	2	10	1.505	0	22		
	WEIGHT KG			10	1.505	0			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

